



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG

ngày tháng 07 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thử nghiệm - Trung tâm nghiên cứu và Phát triển Sanyang Việt Nam
Laboratory: Laboratory - Sanyang Vietnam Research and Development Center

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: Công ty hữu hạn Chế tạo công nghiệp và Gia công chế biến hàng xuất khẩu Việt Nam (VMEP)
Organization: Vietnam Manufacturing & Export Processing Company Limited

Số hiệu/ Code: VILAS 1637

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Cơ, Hóa
Field: Mechanical, Chemical

Người quản lý/
Laboratory manager: Nguyễn Xuân Thảo

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: Kể từ ngày /07/2026 đến ngày /07/2031

Địa chỉ/ Address: KP 5, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
Quarter 5, Tam Hiep ward, Dong Nai province

Địa điểm/ Location 1: Phường Phước Tân và phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai
Phuoc Tan ward and Long Binh ward, Dong Nai province

Địa điểm/ Location 2: Lô số 4, đường 5C, KCN Nhơn Trạch 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Lot No. 4, Road 5C, Nhon Trach 2 Industrial Park, Nhon Trach commune, Dong Nai province

Điện thoại/ Tel: 0386 216 039

E-mail: nxthao@sym.com.tw

Website: vrgphuochaokpt.vnsym.com.tw

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 1637

Địa điểm/ Location 1: Phường Phước Tân và phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai
Phuoc Tan ward and Long Binh ward, Dong Nai province

Lĩnh vực: Cơ

Field: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1.	Xe mô tô, xe gắn máy Motorcycles, mopeds	Kiểm tra khối lượng xe (khối lượng bản thân, phân bố khối lượng) Check mass (kerb mass, mass distribution)	đến/to 200 kg	TCVN 7353:2003
2.		Kiểm tra kích thước (dài, rộng, cao (không tải), khoảng cách trục) Check dimensions (length, width, height (unladen), wheelbase)	L: đến/to 2 000 mm W: đến/to 700 mm H: đến/to 1 200 mm	TCVN 7353:2003
3.		Thử tần số nhấp nháy của đèn báo rẽ Test of blinking frequency of lights turn	(60 ~ 120) lần/phút	QTTT-AT07:2026
4.		Kiểm tra góc quay tay lái Check the steering angle	Góc lái đến/ Steering angle to 45°	QTTT-AT05:2026
5.	Động cơ xe mô tô, xe gắn máy Engine of motorcycles and mopeds	Đo đường kính xy lanh, hành trình pittông của động cơ Measure of the diameter of the cylinder, the cylinder piston trip of engine	đến/to 150 mm	QTTT-DC02:2026
6.		Xác định đặc tính ngoài của động cơ (Mô men xoắn, Lượng nhiên liệu tiêu thụ) Determine of the external characteristics engin (torsion torque, fuel consumption amount)	M: (-200 ~ 200) N.m n: đến/to 20 000 r/min F/c: (0 ~ 10) g/s	QCVN 37:2024/BGTVT (Phụ lục/Annex G, H)
7.	Khung xe mô tô, xe gắn máy Frame of motorcycles and mopeds	Kiểm tra kích thước đường kính ngoài và chiều dày của ống cổ, ống thân và thân khung Check the size of the details of the frame	đến/to 50 mm	QTTT-KX03:2026
8.		Thử độ bền khung với tải trọng tĩnh Chassis durability test with static load	đến/to 10 kN	QCVN 124:2024/BGTVT (Điều/clause 2.3.3.1)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 1637

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Khung xe mô tô, xe gắn máy <i>Frame of motorcycles and mopeds</i>	Thử độ bền khung với tải trọng động Phương pháp 1: thử trên thiết bị dao động bằng vấu cam và quả lô <i>Chassis durability test with dynamic loads</i> <i>Method 1: Test on a cam and roller oscillation device</i>	Đường kính quả lô/ <i>Roller diameter:</i> 800 mm Chiều cao vấu cam/ <i>Cam height:</i> 15 mm Số vấu cam/ <i>Number of cams:</i> 02 Vận tốc vòng/ <i>Rotational speed:</i> (120 ~ 160) rpm	QCVN 124:2024/BGTVT (Điều/clause 2.3.3.2)

Lĩnh vực: Hóa

Field: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Mô tô hai bánh <i>Two-wheel motorcycles</i>	Thử phát thải trung bình của các chất khí gây ô nhiễm (HC, CO và NO _x) tại đuôi ống xả <i>Test avarage emission of tailpipe (HC, CO and NO_x)</i>	CO: (10 ~ 1000) ppm HC: (10 ~ 500) ppmC NO _x : (10 ~ 100) ppm CO ₂ :(100 ~10000) ppm	TCVN 9726:2013
2.		Thử phát thải trung bình ở chế độ không tải (CO, CO ₂ và HC) <i>Test avarage emission at idle speed (CO, CO₂ and HC)</i>	CO: (0,8 ~ 8) % Vol CO ₂ : (2 ~ 16) %Vol HC: (20 ~ 1 500) ppm	
3.	Xe gắn máy <i>Moped</i>	Thử phát thải trung bình của các chất khí gây ô nhiễm (HC, CO và NO _x) tại đuôi ống xả <i>Test avarage emission of tailpipe (HC, CO and NO_x)</i>	CO: (10 ~ 1000) ppm HC: (10 ~ 500) ppmC NO _x : (10 ~ 100) ppm CO ₂ : (100 ~10 000) ppm	TCVN 7358:2010
4.		Thử phát thải trung bình ở chế độ không tải (CO) <i>Test avarage emission at idle speed (CO)</i>	CO: (0,8 ~ 8) % Vol CO ₂ : (2 ~ 16) %Vol HC: (20 ~ 1 500) ppmC	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 1637

Địa điểm/ Location 2: **Lô số 4, đường 5C, KCN Nhơn Trạch 2, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
Lot No. 4, Road 5C, Nhon Trach 2 Industrial Park, Nhon Trach commune, Dong Nai province

Lĩnh vực: **Cơ**

Field: **Mechanical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Xe mô tô, xe gắn máy <i>Motorcycles, mopeds</i>	Kiểm lực các phanh <i>Check the braking performance on equipment</i>	đến/to 1,5 kN	QTTT-AT10:2026
2.		Kiểm tra cường độ sáng của đèn chiếu sáng phía trước <i>Check the intensity of headlamp</i>	đến/to: 60 000 cd	QTTT-AT03:2026
3.		Kiểm tra tốc độ của đồng hồ <i>Check the speedometer</i>	đến/to 80 km/h	QTTT-AT04:2026

Ghi chú/ Notes:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnam National Standard*

- QTTT: Phương pháp do phòng thí nghiệm tự xây dựng/ *Laboratory developed method*

Trường hợp Công ty hữu hạn Chế tạo công nghiệp và Gia công chế biến hàng xuất khẩu Việt Nam (VMEP) cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty hữu hạn Chế tạo công nghiệp và Gia công chế biến hàng xuất khẩu Việt Nam (VMEP) phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Vietnam Manufacturing & Export Processing Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

